

Bản án số: 20/2020/DSPT

Ngày 23/4/2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Ông Nguyễn Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLPT-DS ngày 19 ngày 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện GB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tăng Tr, sinh năm 1969 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1969; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1964; Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tăng T, sinh năm 1995; Vắng mặt.

(Chị M, chị H, anh T ủy quyền cho ông T)

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985; Có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, tỉnh BN.

8. Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN; địa chỉ: Đường Huyền Q, thị trấn Gia B, huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GB, tỉnh BN; Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn là Ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T trình bày:

Ông bà có thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, có tứ cận: Phía Bắc dài 3,42m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 2,87m tiếp giáp lưu không và nhà khánh đình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,46m tiếp giáp thửa đất số 156 nhà ông T bà Y, đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T, thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông bà.

Nguồn gốc của thửa đất số 157 này là của ông Đinh Thanh T, có diện tích 36m² đất thổ cư, do thôn bán năm 1990 mà ông bà mua lại. Trong toàn bộ quá trình sử dụng thửa đất số 157 trên cho đến trước khi có tranh chấp đất với Ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị L thì ông bà sử dụng ổn định lâu dài, có nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ với nhà nước trên diện tích 36m² và không có tranh chấp đất với các hộ liền kề cũng như với bất kỳ ai. Đến tháng 7/2018, ông bà với ông H và bà L xảy ra tranh chấp về ranh giới và ông bà đã đề nghị UBND xã Lăng Ngâm giải quyết nhưng không T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông bà đề nghị và đã được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp cùng thửa đất 157 để xác định rõ và làm căn cứ giải quyết vụ án được chính xác và khách quan. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp cùng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lãng xi măng xây dựng trên đó nằm trong thửa đất số 157 mà ông bà đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp đó thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông bà.

Nay ông bà xác định ông H và bà L cùng Anh Nguyễn Văn Q (là con ông H và bà L) đã lấn chiếm một phần diện tích đất thuộc thửa số 157 của ông bà mà qua đo đạc hiện trạng và xem xét thẩm định tại chỗ xác định được: phần diện tích là 5,83m² cùng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng xây dựng trên đó. Do vậy, ông bà yêu cầu buộc ông H, bà L và anh Q phải trả lại cho ông bà quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất lấn chiếm và phải tháo dỡ mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng cùng các tài sản khác (nếu có) xây dựng trên đất lấn chiếm.

Ngoài ra, việc ông H, bà L và anh Q cho rằng phần diện tích 5,83 m² đất tranh chấp trên dùng làm rãnh nước chung thì ông bà bác bỏ vì không đúng.

Còn về yêu cầu bồi thường thiệt hại về hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với diện tích 5,83m² đất lấn chiếm và xây dựng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng trái phép trên đất lấn chiếm của ông H, bà L và anh Q thì ông bà xác định không thiệt hại gì, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị L trình bày:

Ông bà xác định và thừa nhận phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp (theo thẩm định mà nguyên đơn yêu cầu trên, hoàn toàn không thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 03, diện tích 139m² (đo đạc theo phương pháp tự kê khai năm 2000) - tức thửa đất số 158, tờ bản đồ số 24, diện tích 148m² (đo đạc bản đồ chính quy năm 2002), tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2000 mang tên hộ Ông Nguyễn Văn H. Ngoài ra, ông bà cũng xác định và thừa nhận có làm mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng trên phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp đó.

Trong quá trình sơ thẩm, ông H và bà L cũng đề nghị Tòa án lấy căn cứ là việc xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp làm cơ sở, nếu qua việc xem xét thẩm định tại chỗ được xác định phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp cùng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng xây dựng trên đó nằm trong thửa đất số 157 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T thì ông bà nhất trí trả lại cho ông T và bà T toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp và tháo dỡ mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng xây dựng trên đó.

Ông bà cũng xác định, qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/10/2019 được xác định: Phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp này thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T.

Ngoài ra, ông bà xác định, chị N và chị C là con của ông bà và chị T là con dâu của ông bà không có quyền lợi gì liên quan, chỉ có anh Q thì khi xây dựng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng trên diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên thì anh Q có đóng góp một phần công sức, nên nếu yêu cầu của nguyên đơn là ông T và bà T có căn cứ thì ông bà nhất trí ông bà cùng anh cùng anh Q sẽ trả lại cho ông T và bà T quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất và tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất tranh chấp là mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng cùng các tài sản khác (nếu có).

Tuy nhiên, ông bà không đồng ý trả lại cho ông T và bà T quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất và tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất tranh chấp là mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng cùng các tài sản khác (nếu có). Bởi vì, quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên dùng làm rãnh nước chung.

* Ông Nguyễn Tăng Tr với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Chị M, chị H và anh T (con của ông T bà T) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Thừa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, tỉnh BN đã được UBND huyện GB, tỉnh BN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T thì thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T, nên ông T và bà T có toàn quyền quyết định, không liên quan đến quyền lợi của các anh chị. Do đó, các anh chị không có ý kiến, yêu cầu hay đề nghị gì trong vụ án.

* Anh Nguyễn Văn Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh xác định khi bố mẹ anh là ông H và bà L xây dựng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng trên diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên thì anh có đóng góp một phần công sức, nên nếu yêu cầu của nguyên đơn là ông T và bà T có căn cứ thì anh nhất trí anh cùng bố mẹ anh là ông H và bà L sẽ trả lại cho ông T và bà T quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất và tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất tranh chấp là mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng cùng các tài sản khác (nếu có).

Tuy nhiên, anh cũng đồng ý với ý kiến của bố mẹ anh là ông H và bà L không đồng ý trả lại cho ông T và bà T quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất và tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất tranh chấp là mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng cùng các tài sản khác (nếu có). Bởi vì, quyền sử dụng diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên dùng làm rãnh nước chung. Ngoài ra, anh không yêu cầu hay ý kiến gì khác gì khác.

* Tại giai đoạn sơ thẩm, Anh Nguyễn Văn Q với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của chị N, chị C, chị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 24, diện tích 148m² (đo đạc bản đồ chính quy năm 2002), tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2000 mang tên hộ Ông Nguyễn Văn H thì thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông H và bà L, nên ông H và bà L có toàn quyền quyết định, không liên quan đến quyền lợi của các chị. Ngoài ra, khi bố mẹ các chị là ông H và bà L xây dựng mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lã xi măng trên diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên thì các chị cũng không có đóng góp công sức gì. Do đó, các chị không có ý kiến, yêu cầu hay đề nghị gì trong vụ án.

* Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/10/2019, xác định:

- Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, có tứ cận: Phía Bắc dài 3,42m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 2,87m tiếp giáp lưu không và nhà khánh đình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,46m tiếp giáp thửa đất số 156 nhà ông T bà Y, đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T.

- Phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp, có tứ cận: Phía Bắc dài 0,78m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 0,23m tiếp giáp lưu không và nhà khánh đình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,54m tiếp giáp nhà hai tầng nằm trong thửa đất số 157 của ông T và bà T.

- Phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp được xác định nằm trong thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T. Hoàn toàn không nằm trong thửa đất liền kề số: 306, tờ bản đồ số: 03, diện tích 139m² (đo đạc theo phương pháp tự kê khai năm 2000) - tức, thửa đất số: 158, tờ bản đồ số 24, diện tích 148m² (đo đạc bản đồ chính quy năm 2002), tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/10/2000 mang tên hộ Ông Nguyễn Văn H thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông H và bà L.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 163, 164, 174, 175 Bộ luật dân sự và các Điều 166, 203 của Luật đất đai, xử:

- Buộc Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị L và Anh Nguyễn Văn Q phải trả lại cho Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T quyền sử dụng diện tích 5,83 m² đất lần chiếm thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36 m², địa chỉ thửa đất: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, tỉnh BN thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T (đã được Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T), có tứ cận như sau: Phía Bắc dài 0,78m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 0,23m tiếp giáp lưu không và nhà khánh hình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,54m tiếp giáp nhà hai tầng nằm trong thửa đất số 157 của ông T và bà T; và phải tháo dỡ mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lã xi măng cùng các tài sản khác (nếu có) xây dựng trái phép trên diện tích đất lần chiếm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2019 ông H và bà L đã có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Ông H và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với quyết định sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông H và bà L nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp, có tứ cận: Phía Bắc dài 0,78m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 0,23m tiếp giáp lưu không và nhà khánh đình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,54m tiếp giáp nhà hai tầng nằm trong thửa đất số 157 của ông T và bà T. Phía nguyên đơn là ông T và bà T trình bày đây là phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà vì phần đất này ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn là ông H và bà L không đồng ý vì cho rằng phần đất này là rãnh nước chung của thôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, tỉnh BN có nguồn gốc là do thôn Môn Quảng bán năm 1990. Sau đó, ông T và bà T đã nhận chuyển nhượng thửa đất này của ông Đinh Thanh T và đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T. Quá trình sử dụng đất, ông T và bà T đã sử dụng ổn định liên tục, đóng thuế đầy đủ với nhà nước trên diện tích 36m² mà ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/10/2019 xác định: Phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp giữa hai bên nằm trong thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36m² thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T. Hoàn toàn không nằm trong thửa đất liền kề số 306, tờ bản đồ số 03, diện tích 139m² (đo đạc theo phương pháp tự kê khai năm 2000) - tức thửa đất số 158, tờ bản đồ số 24, diện tích 148m² (đo đạc bản đồ chính quy năm 2002), tại địa chỉ: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/10/2000 mang tên hộ Ông Nguyễn Văn H. Ngoài ra, chính ông H, bà L và anh Q cũng xác định phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên hoàn toàn không thuộc thửa đất số 158 của ông bà và đề nghị Tòa án lấy căn cứ việc xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp làm cơ sở để giải quyết. Bản án sơ thẩm đã buộc ông H, bà L và anh Q phải trả lại ông T và bà T phần diện tích 5,83m² đất lấn chiếm và tháo dỡ mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lảng xi măng trên diện tích đất đã lấn chiếm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H và bà L đã kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông T và bà T.

Xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H và bà L, HĐXX thấy:

Tại cấp sơ thẩm, ông H, bà L và anh Q thừa nhận có làm mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lán xi măng trên phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp. Ông, bà cũng thừa nhận phần diện tích 5,83m² này không thuộc thửa đất số 158 của ông bà và đề nghị Tòa án sơ thẩm lấy căn cứ là việc xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp làm cơ sở. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác định phần diện tích đất 5,83m² đang tranh chấp này nằm hoàn toàn trong diện tích 36m² thuộc thửa đất số 157 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T. Do vậy, việc ông H, bà L và anh Q lấn chiếm và xây dựng mái tôn và rãnh nước lán xi măng trên diện tích đất của ông T, bà T là trái phép.

Ông H, bà L cho rằng phần diện tích 5,83m² đất tranh chấp trên dùng làm rãnh nước chung, tuy nhiên phía ông T và bà T không thừa nhận và tại văn bản của UBND xã Lăng Ngâm và UBND huyện GB đã thể hiện rõ về diện tích, nguồn gốc đất phù hợp với quy hoạch và tình trạng thửa đất không có tranh chấp, việc kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông T và bà T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong đó không xác định được có việc sử dụng rãnh nước chung trên phần diện tích 5,83m² đang tranh chấp như lời trình bày của ông H bà L. Tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà L cũng không có căn cứ gì mới chứng minh được phần diện tích đất 5,83m² được dùng làm rãnh nước chung.

Do vậy, HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H và bà L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của ông H và bà L không được chấp nhận nên ông H và bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 163, 164, 174, 175 Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 của Luật đất đai, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T. Buộc Ông Nguyễn Văn H, bà Đinh Thị L và Anh Nguyễn Văn Q phải trả lại cho Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T quyền sử dụng diện tích 5,83 m² đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 24, diện tích 36 m², địa chỉ thửa

đất: Thôn Môn Q, xã Lăng N, huyện GB, tỉnh BN thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà T (đã được Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 299526 cấp ngày 22/10/2010 mang tên hộ Ông Nguyễn Tăng Tr và bà Đinh Thị T), có tứ cận như sau: Phía Bắc dài 0,78m tiếp giáp đường liên thôn, phía Nam dài 0,23m tiếp giáp lưu không và nhà khánh hình thôn Môn Quảng, phía Đông dài 11,54m tiếp giáp thửa đất số 158 nhà ông H bà L và phía Tây dài 11,54m tiếp giáp nhà hai tầng nằm trong thửa đất số 157 của ông T và bà T; và phải tháo dỡ mái tôn diện tích 5,83m² và rãnh nước lã xi măng cùng các tài sản khác (nếu có) xây dựng trái phép trên diện tích đất lấn chiếm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí, lệ phí:

- Buộc ông H, bà L và anh Q phải chịu 1.836.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông H và bà L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2015/0001733 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

- Hoàn trả lại cho ông T và bà T 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001609 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

- Buộc ông H, bà L và anh Q phải chịu 3.000.000 đồng tiền lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Sau khi ông H, bà L và anh Q thực hiện nghĩa vụ nộp 3.000.000 đồng tiền lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GB. Ông T và bà T được hoàn trả lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện GB.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện GB;
- Chi cục THADS huyện GB;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa